TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M L** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ---------- **Số**: 243/2020/QĐST- HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** ---------- *M L, ngày 14 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: anh ***Nguyễn Văn T,*** sinh năm 1984

HKTT: thôn Ph, xã K, huyện M L, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: chị ***Nguyễn Thị H,*** sinh năm 1986

HKTT: thôn Ph, xã K, huyện M L, thành phố Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: anh T, chị H xác nhận có ba con chung tên Nguyễn Hương Gi ngày 01/9/2007; Nguyễn Đức L sinh ngày 08/12/2009; Nguyễn Hải Y sinh ngày 10/8/2018.

Anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hương Gi ngày 01/9/2007; Nguyễn Đức L sinh ngày 08/12/2009; chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải Y sinh ngày 10/8/2018 cho đến khi các

cháu đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi nào khác. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Sau ly hôn hai bên có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp: Các đương sự tự giải quyết không đề nghị tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh T tự nguyện nộp toàn bộ số 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai AA/2017/0009702 ngày 28/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M L, hoàn trả lại anh T số tiền 150.000đ theo số biên lại ghi trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND, CCTHADS huyện M L;
- UBND xã K
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

LƯƠNG THỊ DIỆU KIM